

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 12 – 2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Việt Khái.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 299/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Gò Cg, xã Nguyễn Việt Kh, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Tạ Hoàng V, sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Gò Cg, xã Nguyễn Việt Kh, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa của bà Huỳnh Thị H là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Tạ Hoàng V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 21/7/1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Kh, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay là xã Nguyễn Việt Kh, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/99. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng ông, bà tự hàn gắn. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra từ tháng 6 năm 2024 thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải hàn gắn. Ông, bà đã ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Do đó, bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà H xác định ông, bà có ba người con chung tên Tạ Hoàng K, sinh ngày 22/7/1991; Tạ Kim L, sinh ngày 01/01/1992; Tạ Như Hnh, sinh ngày 26/6/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà H khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Đối với ông Tạ Hoàng V, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tạ Hoàng V đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông V vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc xin ly hôn với ông Tạ Hoàng V thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; ông V là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Gò Cg, xã Nguyễn Việt Kh, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Tạ Hoàng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Tạ Hoàng V xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/7/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Việt Kh, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay là xã Nguyễn Việt Kh, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo bà H thì vợ chồng ông, bà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 6 năm 2024 nên ông, bà không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Ông, bà đã cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, bà H cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho bà ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ, chung sống với ông V được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với ông V quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời ông rất nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà bà H nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông V.

[4] Về con chung: Bà H xác định ông, bà có ba người con chung tên Tạ Hoàng K, sinh ngày 22/7/1991; Tạ Kim L, sinh ngày 01/01/1992; Tạ Như Hnh, sinh ngày 26/6/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà H khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị H về việc xin ly hôn ông Tạ Hoàng V.

2. Về con chung: Bà H xác định ông, bà có ba người con chung tên Tạ Hoàng K, sinh ngày 22/7/1991; Tạ Kim L, sinh ngày 01/01/1992; Tạ Như Hnh, sinh ngày 26/6/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà H khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11 tháng 10 năm 2024, bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003921 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Tân Hải,  
huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Lê Thúy Dung**